

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/HS- ST

Ngày 19-03-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thúy Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Kiện** và Ông **Huỳnh Đạt Vân**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Kiều Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Danh Nguyễn Thúy Quyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 03 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2024/TLST- HS ngày 12 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 03 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Hồng L, sinh ngày 29/4/2002 tại K; Nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện Ch, tỉnh K; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn Ph, sinh năm 1958 và bà Thị H, sinh năm 1960; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/11/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Ch, tỉnh K. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người tham gia tố tụng khác:

1.1 Ông **Bùi Công T** là người làm chứng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

1.2 Ông **Hà Dũ L** là người làm chứng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Hồng L là đối tượng nghiện ma túy. Do có mối quan hệ quen biết ngoài xã hội với đối tượng tên K (không rõ họ tên, địa chỉ) nên vào khoảng 18 giờ, ngày 01/11/2023 khi L đang ở nhà thuộc ấp M, xã M, huyện Ch, tỉnh K thì người bạn tên

K rủ L đến phòng số 05 nhà nghỉ CT thuộc khu phố M, thị trấn M, huyện Ch, tỉnh K để sử dụng ma túy, L đồng ý và nhờ người chở đến địa điểm trên. Tại phòng số 05 nhà nghỉ CT, Kiệt lấy ma túy và dụng cụ sử dụng ma túy ra sử dụng cùng với L. Khi K và L sử dụng ma túy xong, do có việc nên K đi ra ngoài, L lấy số ma túy còn lại cất giấu vào trong vành nón kết đội trên đầu để dành sử dụng dần. Đến khoảng 20 giờ 20 phút cùng ngày, lực lượng Công an tiến hành kiểm tra bắt quả tang L có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tang vật thu giữ trên người Lê Hồng L gồm: 01 bìch ny lon trong suốt được hàn kín, kích thước 2,2cm x 2,5cm, bên trong chứa nhiều hạt chất rắn, màu trắng không đồng nhất nghi là chất ma túy; 01 nón kết màu hồng, phía ngoài nón kết có thêu hoa văn không xác định, phía trên hoa văn có dòng chữ CHEVROLET POLICE VEHICLES; 01 bình nhựa trắng có nắp màu đỏ, phía trên nắp có gắn 01 cái nỏ thủy tinh và ống hút nhựa.

Sau khi bắt quả tang Lê Hồng L về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, lực lượng chức năng đã đưa L về trụ sở Công an huyện Ch để lấy lời khai. Tại đây, L đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Mục đích tàng trữ trái phép chất ma túy là sử dụng cho nhu cầu cá nhân.

Tại Bản kết luận giám định số: 1120/KL-KTHS ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang kết luận giám định như sau: Nhiều hạt chất rắn màu trắng, không đồng nhất chứa bên trong 01 bìch nylon trong suốt được niêm phong gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine. Khối lượng mẫu gửi giám định là 0,5167 gam.

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục IIC, STT 247, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP, ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

Tại bản cáo trạng số: 17/CT-VKS-CT ngày 11/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch, tỉnh K đã truy tố bị cáo Lê Hồng L về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Hồng L phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Hồng L từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về biện pháp tư pháp đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử:

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì màu trắng có dòng chữ CÔNG AN TỈNH K PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ, niêm phong mẫu vật, vụ số 1120/2023, ngày 08 tháng 11 năm 2023, người chứng kiến Đoàn Văn H, giám định viên Lê Đức H, có đóng dấu mộc đỏ niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh K, bên trong phong bì bao gồm: Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng là 0,4937 gam được đựng trong một bịch nylon và bao gói đựng mẫu và 01 bình nhựa trắng, có nắp màu đỏ, phía trên nắp có gắn 01 cái nút thủy tinh và ống hút nhựa được niêm phong trong túi niêm phong, ký hiệu PS3, mã số 2124431, có chữ ký của Danh Thị Mỹ Á, Lê Hồng L, Bùi Công T, Hà Dũ L, dấu tròn mộc đỏ có dòng chữ cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ch, tỉnh K.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch.

Bị cáo nói lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ch, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu cũng như kết quả điều tra của Cơ quan điều tra và bản Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch, thể hiện: Bị cáo Lê Hồng L là đối tượng nghiện ma túy, vào khoảng 18 giờ ngày 01/11/2023, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên bị cáo L đến phòng số 05 nhà nghỉ CT thuộc khu phố M, thị trấn M, huyện Ch, tỉnh K để sử dụng ma túy cùng người đàn ông tên K (không rõ nhân thân lai lịch). Sau khi sử dụng ma túy, do có việc nên K đi ra ngoài, L lấy số ma túy còn lại cất vào trong vành nón kết do L đội trên đầu để sử dụng dần. Đến khoảng 20 giờ 20 phút cùng ngày thì L bị Công an tiến hành kiểm tra bắt quả tang vì có hành vi tàng trữ 0,5167 gam ma túy, loại Methamphetamine.

Đôi chiếu với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự thì: “Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:....; c) *Methamphetamin có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam; ...*”.

Như vậy, hành vi cất giấu 0,5167 gam ma túy loại Methamphetamine để sử dụng của bị cáo L đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” như đã viện dẫn. Do đó, cho thấy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch truy tố bị cáo Lê Hồng L về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, HĐXX nhận thấy như sau: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội bởi đã xâm phạm đến chế độ quản lý đặc biệt của Nhà nước đối với ma túy và các chất gây nghiện khác. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã trưởng thành, có đủ năng lực nhận thức rõ hậu quả của việc sử dụng ma túy không những làm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe cũng như kinh tế của chính bản thân bị cáo mà còn là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác nên pháp luật nghiêm cấm. Mặc dù nhận thức được tác hại của ma túy gây ra nhưng bị cáo vẫn cố ý tàng trữ để dành sử dụng, điều này thể hiện ý thức chủ quan xem thường pháp luật của bị cáo. Trong tình hình tội phạm về ma túy ngày càng gia tăng như hiện nay đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển kinh tế, xã hội và an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Do đó, việc xét xử và tách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định là vô cùng cần thiết nhằm thể hiện tính nghiêm minh, răn đe giáo dục đối với bị cáo và góp phần phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng được quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân bị cáo tốt chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo có trình độ học vấn thấp nên việc am hiểu pháp luật phần nào còn hạn chế. Từ những phân tích trên cho thấy bị cáo có đủ điều kiện để được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét khi lượng hình là có căn cứ đúng quy định pháp luật

[5] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[6] Về biện pháp tư pháp: Đối với nhiều hạt tinh thể màu trắng, dạng rắn còn lại sau khi giám định có khối lượng là 0,4937 gam (đựng trong một bịch nylon) và bao gói đựng mẫu được niêm phong trong một phong bì có ký hiệu số vụ 1120/2023 có dòng chữ CÔNG AN TỈNH K PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ; 01 bình nhựa trắng, có nắp màu đỏ, phía trên nắp có gắn 01 cái nỏ thủy tinh và ống hút nhựa được niêm phong trong túi niêm phong, ký hiệu PS3, mã số 2124431, có chữ ký của Danh Thị Mỹ Á, Lê Hồng L, Bùi Công T, Hà Dũ L, dấu tròn mộc đỏ có dòng chữ cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ch, tỉnh K, đây là vật chứng thu giữ trong vụ án không còn giá trị sử dụng nên cần xử tịch thu tiêu hủy theo quy định pháp luật.

[7] Về án phí: Xử buộc bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về những vấn đề khác: Đối với đối tượng tên K thì theo bị cáo trình bày Kiệt là người cung cấp ma túy cho bị cáo, tuy nhiên chỉ có duy nhất lời khai của bị cáo về vấn đề này. Đồng thời cho thấy K là đối tượng không rõ nhân thân lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ch không thể mời đối tượng này về làm việc. Do đó, đề nghị cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ch tiếp tục điều tra, xác minh thêm đối với đối tượng trên nếu có đủ chứng cứ sẽ tiến hành giải quyết theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng và tội danh:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Lê Hồng L phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Lê Hồng L 01** (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 01/11/2023.

3. Về biện pháp tư pháp áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử tịch thu tiêu hủy nhiều hạt tinh thể màu trắng, dạng rắn còn lại sau khi giám định có khối lượng là 0,4937 gam (đựng trong một bịch nylon) và bao gói đựng mẫu được niêm phong trong một phong bì có ký hiệu số vụ 1120/2023, ngày 08 tháng 11 năm 2023 có dòng chữ CÔNG AN TỈNH K PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ, người chứng kiến Đoàn Văn H, giám định viên Lê Đức H,

có đóng dấu mộc đỏ niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh K; 01 bình nhựa trắng, có nắp màu đỏ, phía trên nắp có gắn 01 cái nỏ thủy tinh và ống hút nhựa được niêm phong trong túi niêm phong, ký hiệu PS3, mã số 2124431, có chữ ký của Danh Thị Mỹ Á, Lê Hồng L, Bùi Công T, Hà Dũ L, dấu tròn mộc đỏ có dòng chữ cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ch, tỉnh K.

Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh K đang quản lý theo quyết định chuyển giao vật chứng số: 14/QĐ-VKS-CT ngày 11/01/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ch.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử buộc bị cáo Lê Hồng L phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thúy Hằng